Câu 1: Trong Luật TTATGTĐB, “đường ưu tiên” được quy định như thế nào? 1. Đường ưu tiên là đường chỉ dành cho một số loại phương tiện tham gia giao thông, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên. 2. Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nhường đường cho các phương tiện đến từ hướng khác khi qua nơi giao nhau, có thể được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên. 3. Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đường bộ đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên. Câu 2: Trong Luật TTATGTĐB, “làn đường” được quy định như thế nào? 1. Là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đi lại. 2. Là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn. 3. Cả hai ý trên. Câu 3: Trong Luật TTATGTĐB, “người tham gia giao thông đường bộ” gồm những thành phần nào? 1. Người điều khiển, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ. 2. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi trên đường bộ. 3. Người đi bộ trên đường bộ. 4. Cả ba ý trên. Câu 4: Trong Luật TTATGTĐB, “người lái xe” được quy định như thế nào? 1. Là người điều khiển xe cơ giới. 2. Là người điều khiển xe thô sơ. 3. Là người điều khiển xe máy chuyên dùng. Câu 5: Trong Luật TTATGTĐB, “người điều khiển giao thông đường bộ” gồm những thành phần nào? 1. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông. 2. Cảnh sát giao thông và người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ. Câu 6: Người tham gia giao thông ngoài việc phải chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan, còn có trách nhiệm gì? 1. Giữ an toàn cho mình. 2. Giữ an toàn cho người khác. 3. Cả hai ý trên. Câu 7: Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật là đúng hay sai? 1. Sai. 2. Đúng. 3. Tùy trường hợp. Câu 8: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn không? 1. Nghiêm cấm. 2. Không nghiêm cấm. 3. Cấm người điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/1lít khí thở. Câu 9: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy không? 1. Không nghiêm cấm. 2. Nghiêm cấm. 3. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. Câu 10: Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm trong Luật TTATGTĐB? 1. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ lạng lách, đánh võng, rú ga liên tục. 2. Đua xe, tổ chức đua xe, xúi giục, giúp sức, cổ vũ đua xe trái phép. 3. Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. 4. Cả ba ý trên. Câu 11: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm người lái xe dùng tay cầm và sử dụng điện thoại khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ không? 1. Nghiêm cấm. 2. Không nghiêm cấm. 3. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. Câu 12: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm hành vi giao xe mô tô, xe gắn máy cho người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ không? 1. Không nghiêm cấm. 2. Nghiêm cấm. 3. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. Câu 13. Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm hành vi cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ của xe mô tô, xe gắn máy không? 1. Không nghiêm cấm. 2. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. 3. Nghiêm cấm. Câu 14: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị âm thanh, ánh sáng trên xe cơ giới gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ không? 1. Nghiêm cấm. 2. Không nghiêm cấm. 3. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. Câu 15: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm hành vi sản xuất, sử dụng, mua, bán trái phép biển số xe không? 1. Không nghiêm cấm. 2. Nghiêm cấm. 3. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. Câu 16: Trong Luật TTATGTĐB hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm? 1. Sản xuất, sử dụng, mua, bán trái phép biển số xe. 2. Điều khiển xe cơ giới gắn biển số xe không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gắn biển số xe không đúng vị trí. 3. Bẻ cong, che lấp biển số; làm thay đổi chữ, số, màu sắc, hình dạng, kích thước của biển số xe. 4. Cả ba ý trên. Câu 17: Luật TTATGTĐB có nghiêm cấm hành vi bẻ cong, che lấp biển số xe, làm thay đổi chữ, số của biển số xe không? 1. Nghiêm cấm. 2. Không nghiêm cấm. 3. Nghiêm cấm tùy từng trường hợp. Câu 18: Luật TTATGTĐB nghiêm cấm hành vi nào dưới đây? 1. Lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên không đúng quy định của pháp luật. 2. Sử dụng quyền của xe ưu tiên khi không thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. 3. Cả hai ý trên. Câu 19: Hành vi nào dưới đây của người lái xe bị nghiêm cấm khi bị phát hiện vi phạm pháp luật về TTATGTĐB? 1. Không khai báo, khai báo gian dối. 2. Cung cấp thông tin, tài liệu không đúng sự thật để trốn tránh trách nhiệm. 3. Cả hai ý trên. Câu 20: Luật TTATGTĐB nghiêm cấm các hành vi nào dưới đây? 1. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn giao thông đường bộ để trốn tránh trách nhiệm. 2. Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông đường bộ. 3. Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông đường bộ để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường bộ. 4. Cả ba ý trên. Câu 21: Người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành những quy tắc nào dưới đây? 1. Phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ. 2. Phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định, chấp hành báo hiệu đường bộ và các quy tắc giao thông đường bộ khác. 3. Phải đi bên phải theo chiều đi của mình và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ. Câu 22: Khi hiệu lệnh của người điều khiển giao thông trái với tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu đường bộ, người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành như thế nào? 1. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông. 2. Tín hiệu đèn giao thông. 3. Biển báo hiệu đường bộ. Câu 23: Khi người điều khiển giao thông ra hiệu lệnh: “tay bên phải giơ thẳng đứng”, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào? 1. Người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái người điều khiển được đi. 2. Người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông được đi thẳng; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái người điều khiển được đi thẳng và rẽ phải. 3. Người tham gia giao thông đường bộ ở tất cả các hướng phải dừng lại. Câu 24: Khi người điều khiển giao thông ra hiệu lệnh: “hai tay hoặc một tay dang ngang”, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào? 1. Người tham gia giao thông đường bộ ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông đường bộ ở phía bên phải và bên trái người điều khiển giao thông được đi. 2. Người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông được rẽ trái; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi thẳng và rẽ phải. Câu 25: Khi người điều khiển giao thông ra hiệu lệnh: “tay phải giơ về phía trước”, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào? 1. Người tham gia giao thông đường bộ ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông. 2. Người tham gia giao thông đường bộ ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng. 3. Người tham gia giao thông đường bộ ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải. 4. Cả ba ý trên. Câu 26: Tại nơi đường giao nhau khi đèn điều khiển giao thông có tín hiệu màu vàng, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện thế nào? 1. Người điều khiển phương tiện nhanh chóng cho xe vượt qua vạch dừng để đi qua đường giao nhau. 2. Trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ và cho xe vượt qua vạch dừng để đi qua đường giao nhau. 3. Phải dừng lại trước vạch dừng; trường hợp đang đi trên vạch dừng hoặc đã đi qua vạch dừng mà tín hiệu đèn màu vàng thì được đi tiếp; trường hợp tín hiệu đèn màu vàng nhấp nháy, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ được đi nhưng phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường hoặc các phương tiện khác. Câu 27: Luật TTATGTĐB quy định có bao nhiêu nhóm biển báo hiệu đường bộ? 1. Ba nhóm: Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm và biển hiệu lệnh. 2. Bốn nhóm: Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển phụ. 3. Năm nhóm: Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn, biển phụ. Câu 28: Tác dụng của biển báo cấm? 1. Để biểu thị các điều cấm. Người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành những điều cấm mà biển đã báo. 2. Để biểu thị các điều cấm. Người tham gia giao thông có thể không phải chấp hành những điều cấm mà biển đã báo. Câu 29: Tác dụng của biển báo nguy hiểm? 1. Dùng để báo cho người tham gia giao thông đường bộ biết trước tính chất của sự nguy hiểm hoặc các điều cần chú ý phòng ngừa trên tuyến đường. 2. Khi gặp biển báo nguy hiểm người tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ đến mức cần thiết, chú ý quan sát và chuẩn bị sẵn sàng xử lý những tình huống có thể xảy ra để phòng ngừa tai nạn. 3. Cả hai ý trên. Câu 30: Tác dụng của biển hiệu lệnh? 1. Là biển báo cho người tham gia giao thông đường bộ biết hiệu lệnh phải thi hành. 2. Là biển báo cho người tham gia giao thông đường bộ biết hiệu lệnh có thể phải thi hành. Câu 31: Trong Luật TTATGTĐB, “vạch kẻ đường” được quy định như thế nào? 1. Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân biệt vị trí dừng đỗ trên đường. 2. Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại. 3. Vạch kẻ đường là vạch dùng để phân chia dòng phương tiện hai hướng ngược chiều nhau trên các đường có hai hoặc ba làn xe chạy. 4. Cả ba ý trên. Câu 32: Khi ở một vị trí vừa có biển báo hiệu đặt cố định vừa có biển báo hiệu tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau, người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành hiệu lệnh của biển báo nào? 1. Biển báo hiệu cố định. 2. Biển báo hiệu tạm thời. Câu 33: Tại nơi có vạch kẻ đường hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào? 1. Giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường đảm bảo an toàn. 2. Quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. 3. Quan sát, tăng tốc độ và điều khiển phương tiện nhanh chóng đi qua. Câu 34: Trường hợp nào dưới đây người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn? 1. Có biển báo cấm vượt. 2. Có biển cấm dừng xe, đỗ xe. 3. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường. 4. Có biển báo cấm quay đầu xe. Câu 35: Trường hợp nào dưới đây người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn? 1. Gặp xe ưu tiên. 2. Đường hẹp, đường vòng, đường quanh co, đường đèo, dốc. 3. Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế. 4. Cả ba ý trên. Câu 36: Trường hợp nào dưới đây người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn? 1. Khu vực đang tổ chức kiểm soát giao thông đường bộ. 2. Có vật nuôi đi trên đường hoặc chăn thả ở ven đường. 3. Điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ có khách đang lên, xuống xe. 4. Cả ba ý trên. Câu 37: Khi qua khu vực đông dân cư, chợ, khu vực đang thi công trên đường bộ người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải làm gì? 1. Phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn. 2. Phải quan sát, giảm tốc độ và dừng lại để bảo đảm an toàn. Câu 38: Luật TTATGTĐB quy định phương tiện tham gia giao thông đường bộ di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải theo chiều đi của mình có đúng không? 1. Đúng. 2. Sai. Câu 39: Người điều khiển xe thô sơ, xe cơ giới và xe máy chuyên dùng phải đi như thế nào trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường? 1. Xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái. 2. Xe thô sơ phải đi trên làn đường bên trái trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên phải. 3. Xe thô sơ đi trên làn đường phù hợp không gây cản trở giao thông, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên phải. Câu 40: Luật TTATGTĐB quy định vượt bên phải xe khác trong trường hợp nào? 1. Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái. 2. Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được. 3. Cả hai ý trên. Câu 41: Luật TTATGTĐB quy định chỉ được vượt xe khi nào? 1. Không có chướng ngại vật ở phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt. 2. Xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác, đã có tín hiệu rẽ phải và tránh về bên phải. 3. Cả hai ý trên. Câu 42: Người lái xe có được vượt xe khác ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường không? 1. Có được vượt. 2. Không được vượt. Câu 43: Trước khi chuyển hướng, người lái xe phải làm gì? 1. Quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ, chuyển dần sang làn gần nhất với hướng rẽ. 2. Tín hiệu báo hướng rẽ phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng. 3. Bảo đảm an toàn, không gây trở ngại cho người và phương tiện khác mới được chuyển hướng. 4. Cả ba ý trên. Câu 44: Khi chuyển hướng, người lái xe phải làm gì? 1. Phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ. 2. Phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ. 3. Phải nhường đường cho người đi bộ, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác. 4. Cả ba ý trên. Câu 45: Người lái xe tham gia giao thông đường bộ phải bật đèn chiếu sáng phía trước khi nào? 1. Khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn. 2. Trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau. 3. Cả hai ý trên. Câu 46: Người lái xe phải tắt đèn chiếu xa, bật đèn chiếu gần trong trường hợp nào dưới đây? 1. Khi đi trên các đoạn đường qua khu đông dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động. 2. Khi gặp xe đi ngược chiều, trừ trường hợp dải phân cách có khả năng chống chói 3. Khi gặp người đi bộ qua đường; khi chuyển hướng xe tại nơi đường giao nhau. 4. Cả ba ý trên. Câu 47: Trường hợp nào dưới đây người lái xe được phép sử dụng tín hiệu còi? 1. Báo hiệu cho người tham gia giao thông đường bộ khi xuất hiện tình huống có thể mất an toàn giao thông. 2. Báo hiệu chuẩn bị vượt xe. 3. Cả hai ý trên. Câu 48: Hành vi nào dưới đây của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ bị cấm? 1. Sử dụng còi liên tục. 2. Sử dụng còi có âm lượng không đúng quy định. 3. Sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ xe ưu tiên. 4. Cả ba ý trên. Câu 49: Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên với đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh với đường chính, người lái xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường như thế nào? 1. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải. 2. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái. 3. Nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới. Câu 50: Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyến, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nhường đường như thế nào là đúng quy tắc giao thông? 1. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải. 2. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái. Câu 51: Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyến, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nhường đường như thế nào là đúng quy tắc giao thông? 1. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải. 2. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái. Câu 52: Thứ tự xuống phà như thế nào là đúng quy tắc giao thông? 1. Xe thô sơ, người đi bộ xuống phà trước, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng xuống phà sau. 2. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng xuống phà trước, xe thô sơ, người đi bộ xuống phà sau; 3. Xe cơ giới, xe thô sơ xuống phà trước, xe máy chuyên dùng, người đi bộ xuống phà sau. Câu 53: Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt không có người gác, chắn đường bộ, chuông, đèn tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào? 1. Phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe và quan sát hai phía, khi không có phương tiện đường sắt tới mới được đi qua. 2. Nếu thấy có phương tiện đường sắt đang đi tới thì phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất và chỉ khi phương tiện đường sắt đã đi qua mới được đi. 3. Cả hai ý trên. Câu 54: Trường hợp nào dưới đây không được đi vào đường cao tốc? 1. Người đi bộ, xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô, xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn tốc độ tối thiểu quy định đối với đường cao tốc. 2. Xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế lớn hơn tốc độ tối thiểu quy định đối với đường cao tốc. 3. Xe ô tô con, xe ô tô tải, xe ô tô khách. Câu 55: Luật TTATGTĐB có quy định người lái xe khi tham gia giao thông trong hầm đường bộ phải bật đèn chiếu gần không? 1. Bắt buộc. 2. Không bắt buộc. 3. Tùy trường hợp cụ thể. Câu 56: Khi gặp xe ưu tiên phát tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải tuân theo quy tắc giao thông nào? 1. Phải dừng lại nhường đường cho xe ưu tiên. 2. Phải giảm tốc độ, đi sát lề đường bên phải hoặc dừng lại để nhường đường. 3. Phải quan sát, đi sát lề đường bên phải. Câu 57: Người lái xe mô tô hai bánh, xe gắn máy được chở tối đa hai người trong những trường hợp nào? 1. Chở người bệnh đi cấp cứu; trẻ em dưới 12 tuổi. 2. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật. 3. Người già yếu hoặc người khuyết tật. 4. Cả ba ý trên. Câu 58: Người lái xe mô tô hai bánh khi tham gia giao thông đường bộ không được thực hiện hành vi nào dưới đây? 1. Sử dụng ô, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính. 2. Đi xe dàn hàng ngang; sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy. 3. Ngồi về một bên điều khiển xe; đứng, nằm trên xe điều khiển xe; thay người lái xe khi xe đang chạy. 4. Cả ba ý trên. Câu 59: Chiều cao xếp hàng trên xe mô tô, xe gắn máy được quy định cụ thể như thế nào? 1. Không được xếp hàng hóa quá chiều rộng giá đèo hàng về mỗi bên 0,5 mét, vượt quá về phía sau giá đèo hàng 0,5 mét theo thiết kế của nhà sản xuất; chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không quá 02 mét.. 2. Không được xếp hàng hóa quá chiều rộng giá đèo hàng về mỗi bên 0,3 mét, vượt quá về phía sau giá đèo hàng 0,5 mét theo thiết kế của nhà sản xuất; chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không quá 02 mét. 3. Không được xếp hàng hóa quá chiều rộng giá đèo hàng về mỗi bên 0,3 mét, vượt quá về phía sau giá đèo hàng 0,5 mét theo thiết kế của nhà sản xuất; chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không quá 2,5 mét. Câu 60: Xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ phải đáp ứng các điều kiện gì? 1. Được cấp chứng nhận đăng ký xe và gắn biển số xe theo quy định của pháp luật. 2. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. 3. Cả hai ý trên. Câu 61: Xe cơ giới phải đáp ứng quy định nào thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký và biển số? 1. Chứng nhận nguồn gốc xe. 2. Chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp. 3. Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính. 4. Cả ba ý trên. Câu 62: Cá nhân, tổ chức khi chuyển quyền sở hữu xe có phải làm thủ tục thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe không? 1. Phải thực hiện. 2. Không phải thực hiện. Câu 63: Trách nhiệm của cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe như thế nào khi chưa thực hiện thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe khi đã chuyển nhượng, trao đổi, tặng, cho xe? 1. Tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe. 2. Không chịu trách nhiệm. Câu 64: Cá nhân vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính có được giải quyết việc đăng ký phương tiện vi phạm không? 1. Chưa được giải quyết. 2. Được giải quyết. 3. Tùy trường hợp cụ thể. Câu 65: Người lái xe khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải mang theo các loại giấy tờ gì? 1. Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc giấy tờ xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn hiệu lực trong trường hợp xe đang được thế chấp tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 2. Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển; chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. 3. Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới theo quy định của pháp luật. 4. Cả ba ý trên. Câu 66: Người có giấy phép lái xe hạng A được điều khiển loại xe nào? 1. Xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm3 hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1. 2. Xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm3 hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW. 3. Xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1. Câu 67: Người có giấy phép lái xe hạng B1 được điều khiển loại xe nào? 1. Các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B có kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg. 2. Xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg. 3. Xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1. Câu 68: Giấy phép lái xe hạng nào dưới đây có thời hạn? 1. Hạng A1. 2. Hạng B1. 3. Hạng B. 4. Hạng A. Câu 69: Giấy phép lái xe không còn hiệu lực trong trường hợp nào? 1. Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng; giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định. 2. Giấy phép lái bị trừ điểm. 3. Giấy phép lái bị trừ điểm hết điểm và chưa phục hồi điểm giấy phép lái xe. 4. Cả ba ý trên. Câu 70: Người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm có được phép điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ không? 1. Không được phép. 1. Được phép. 3. Tùy trường hợp. Câu 71: Người có giấy phép lái xe đã bị trừ hết điểm phải làm gì để phục hồi điểm giấy phép lái xe? 1. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm không vi phạm pháp luật TTATGTĐB được phục hồi đủ 12 điểm. 2. Sau thời hạn ít nhất là 06 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm, người có giấy phép lái xe được tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và có kết quả đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm. 3. Cả hai ý trên. Câu 72: Theo Luật TTATGTĐB, người đủ bao nhiêu tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1? 1. 16 tuổi. 2. 18 tuổi. 3. 20 tuổi. Câu 73: Người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ có được cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe không? 1. Chưa được cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe. 2. Có được cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe. 3. Tùy trường hợp. Câu 74: Luật TTATGTĐB quy định trường hợp nào dưới đây bị thu hồi giấy phép lái xe? 1. Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với từng hạng giấy phép lái xe. 2. Giấy phép lái xe được cấp sai quy định. 3. Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng. 4. Cả ba ý trên. Câu 75: Luật TTATGTĐB quy định người lái xe gây tai nạn giao thông đường bộ được rời khỏi hiện trường tai nạn trong trường hợp nào? 1. Đi cấp cứu, đưa người bị nạn đi cấp cứu. 2. Xét thấy bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe nhưng phải trình báo ngay cơ quan Công an, Uỷ ban nhân dân nơi gần nhất. 3. Cả hai ý trên. Câu 76: Người lái xe khi tham gia giao thông trong hầm đường bộ phải tuân thủ quy tắc nào dưới đây? 1. Phải bật đèn chiếu gần. 2. Không dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe, người lái xe phải đưa xe vào vị trí dừng xe, đỗ xe khẩn cấp, nếu không di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển hoặc đèn cảnh báo về phía sau xe khoảng cách bảo đảm an toàn, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên tuyến hoặc cơ quan quản lý hầm đường bộ. 3. Cả hai ý trên. Câu 77: Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, quyền ưu tiên thuộc về phương tiện nào? 1. Xe nào bên phải không bị vướng thì được quyền đi trước. 2. Xe nào ra tín hiệu xin đường trước thì xe được đi trước. 3. Quyền ưu tiên thuộc về các phương tiện đường sắt. Câu 78: Hành vi người điều khiển xe mô tô trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn chưa vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở có bị trừ điểm giấy phép lái xe không? 1. Không bị trừ điểm. 2. Bị trừ điểm. 3. Bị trừ điểm tùy trường hợp. Câu 79: Hành vi điều khiển xe gắn biển số không đúng với chứng nhận đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp có bị tịch thu biển số không? 1. Bị tịch thu biển số. 2. Không bị tịch thu biển số. Câu 80: Hành vi điều khiển xe mô tô, sử dụng còi không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, ngoài bị phạt tiền còn bị xử lý như thế nào? 1. Bị trừ điểm giấy phép lái xe. 2. Buộc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định. 3. Cả hai ý trên. Câu 81: Hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ có bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe không? 1. Không bị tước. 2. Bị tước. 3. Bị tước tùy trường hợp. Câu 82: Hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ có bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe không? 1. Không bị tước. 2. Bị tước. 3. Bị tước tùy trường hợp. Câu 83: Hành vi cắt, hàn, tẩy xoá, đục sửa, đóng lại trái phép số máy, số khung xe cơ giới có bị tịch thu xe không? 1. Không bị tịch thu. 2. Bị tịch thu. Câu 84: Hành vi người điều khiển xe mô tô trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở bị trừ bao nhiêu điểm giấy phép lái xe? 1. Bị trừ 06 điểm. 2. Bị trừ 04 điểm. Câu 85: Trong khu vực đông dân cư, tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô tham gia giao thông trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên là bao nhiêu? 1. 30 km/h. 3. 50 km/h. 2. 40 km/h. 4. 60 km/h. Câu 86: Trong khu vực đông dân cư, tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô tham gia giao thông trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới là bao nhiêu? 1. 30 km/h. 3. 50 km/h. 2. 40 km/h. 4. 60 km/h. Câu 87: Ngoài khu vực đông dân cư, tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô tham gia giao thông trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên là bao nhiêu? 1. 50 km/h. 2. 60 km/h. 3. 70 km/h. 4. 80 km/h. Câu 88: Ngoài khu vực đông dân cư, tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô tham gia giao thông trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới là bao nhiêu? 1. 70 km/h. 2. 60 km/h. 3. 50 km/h. 4. 40 km/h. Câu 89: Khi tham gia giao thông trên đường bộ, mặt đường khô ráo, không có sương mù, mặt đường không trơn trượt, địa hình bằng phẳng, đường thẳng, tầm nhìn bảo đảm, người điều khiển xe cơ giới chạy với tốc độ 60 km/h phải giữ khoảng cách an toàn tối thiểu đối với xe chạy liền trước xe của mình là bao nhiêu? 1. 35 m. 2. 40 m. 3. 50 m. 4. 55 m. Câu 90: Hành vi giao xe hoặc để cho người không đủ điều kiện theo quy định của Luật TTATGTĐB điều khiển tham gia thông, có bị xử phạt không? 1. Không bị xử phạt. 2. Bị xử phạt. 3. Bị xử phạt tùy trường hợp.